TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ H M** **TỈNH N A**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

B¶n ¸n sè: 03/2024/HNG§ - ST
Ngµy: 28/02/ 2024
VÒ viÖc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H M, TỈNH N A

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Huy.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Yên Dũng.

Bà Hoàng Thị Lý

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Cao Trọng Sơn; thư ký TAND thị xã H M.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H M, tỉnh N A tham gia phiên toà*:* Bà Đào Giang Lệ; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã H M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2023/TLST- HN&GĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐST-HN&GĐ ngày 18 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Đ, sinh năm: 1984 (Có mặt).
Trú tại: Thôn B, xã Q, thị xã H, tỉnh N A.
Bị đơn: Anh Hồ Sỹ P, sinh năm: 1984 (Vắng mặt).
Trú tại: Thôn B, xã Q, thị xã H, tỉnh N A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày:

Chị và bị đơn anh Hồ Sỹ P kết hôn với nhau vào ngày 03/10/2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q (nay là xã Q, thị xã H), tỉnh N A trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống bình thường đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không có tình cảm, vợ chồng không có tiếng nói chung, mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Hiện nay anh P cũng đã có người khác. Vợ chồng cũng đã ly thân từ đó cho đến nay.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hồ Sỹ P.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Hồ Thị Kim N, sinh ngày 06/01/2010 và Hồ Sỹ D, sinh ngày 20/11/2012. Hiện nay các con chung đang ở với chị. Nếu ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị. Vợ chồng không ai có con riêng.

Về tài sản chung, riêng: Vợ chồng chị tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Theo bản tự khai bị đơn anh Hồ Sỹ P trình bày: Anh và chị Trần Thị Đ kết hôn với nhau vào ngày 03/10/2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q (nay là xã Q, thị xã H), tỉnh N A trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh đi làm ăn xa, thấy chị Đ có những dấu hiệu bất thường nên anh đã ghen tuông với chị Đ dẫn đên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được chính quyền địa phương hòa giải và trước đây cũng đã được Tòa án nhân dân thị xã H M hòa giải nhưng không được. Anh cũng thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể đoàn tụ được. Về tình càm anh đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng hợp lý thì anh sẽ ly hôn với chị Đ.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Hồ Thị Kim N, sinh ngày 06/01/2010 và Hồ Sỹ D, sinh ngày 20/11/2012. Hiện nay các con chung đang ở với chị Đ. Nếu ly hôn để hai con gần gũi với nhau nên anh cũng thống nhất giao các con chung cho chị Đ được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung. Anh không cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đ. Vợ chồng không ai có con riêng.

Về tài sản chung, riêng: Vợ chồng anh có số tiền 150.000.0000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) gửi Ngân hàng; 01 Ngôi nhà hai gian nằm trên diện tích 500 m2 tại thôn B, xã Q và 01 xe máy. Nếu ly hôn anh giao lại các tài sản trên cho chị Đ và yêu cầu chị Đ trích lại tiền chênh lệch tài sản cho anh là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H M phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện đúng theo các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị :

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015; Điều 56, 57, 58, 60, 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ năm 2014; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Xử cho chị Trần Thị Đ được ly hôn với anh Hồ Sỹ P.
- Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là Hồ Thị Kim N, sinh ngày 06/01/2010 và Hồ Sỹ D, sinh ngày 20/11/2012 cho chị Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh P.
- Về tài sản chung: Đề nghị không xem xét yêu cầu chia tài sản của anh P vì anh P đã không nạp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.
- Về nợ chung: Không đề nghị xem xét.
- Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải nạp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nạp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Trần Thị Đ với bị đơn anh Hồ Sỹ P. Hiện tại bị đơn anh Hồ Sỹ P đang có hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại thôn B, xã Q, thị xã H, tỉnh N A. Nên Tòa án nhân dân thị xã H M, tỉnh N A giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 BLTTDS. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hồ Sỹ P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc cũng như để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và xem như bị đơn từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2]Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Đ, anh Hồ Sỹ P kết hôn với nhau vào ngày 03/10/2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q (nay là xã Q, thị xã H), tỉnh N A trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau đến năm 2020 thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, vợ chồng sống không có tình cảm, mâu thuẫn liên tục sâu sắc và ngày càng trầm trọng hơn. Hai bên đã chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau, bản thân chị Đ, anh P hiện đã sống ly thân và không còn liên lạc hỏi han, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, chứng tỏ vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa. Do anh P không tham gia làm việc tại Tòa án nên Tòa án không thể phân tích hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ. Chị Đ xin ly hôn anh P, anh P cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng đã thực sự rạn nứt không thể đoàn tụ được. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị Đ được ly hôn anh Hồ Sỹ P.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị Đ, anh Hồ Sỹ P có 02 con chung là Hồ Thị Kim N, sinh ngày 06/01/2010 và Hồ Sỹ D, sinh ngày 20/11/2012. Các con chung hiện đang ở với chị Đ. Tại bản tự khai các con chung đều có lời trình bày nguyện vọng xin ở với chị Đ. Anh P chị Đ đều thống nhất giao các con chung cho chị Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. ể đảm bảo quyền lợi cho các đương sự cũng như tôn trọng nguyện vọng của các con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con trẻ, tạo điều kiện thuận lợi cho chị Đ nuôi con. Nên giao các con chung là cháu Hồ Thị Kim N và cháu Hồ Sỹ D cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng; anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho Đ1 và có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc các con chung sau khi đã ly hôn là phù hợp Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên tòa chị Trần Thị Đ không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng. Anh Hồ Sỹ P có lời trình bày yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo nạp tiền tạm ứng án phí cho anh Hồ Sỹ P nhưng anh P vẫn không chịu nạp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật. Do anh P không nạp tiền tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào điều 202 Bộ luật tố dụng dân sự 2015 không xem xét đối yêu cầu chia tài sản chung của anh Hồ Sỹ P. Nếu chị Đ, anh P có yêu cầu chia tài sản chung thì sẽ khởi kiện bằng vụ án chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

- Về nợ chung: Chị Đ và anh P xác định anh, chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Thị Đ phải nạp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nạp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Điều 202; Khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 56, 57, 58, và Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Đ được ly hôn anh Hồ Sỹ P.

Về con chung: Giao 02 (hai) con chung Hồ Thị Kim N, sinh ngày 06/01/2010 (Giới tính: Nữ); Hồ Sỹ D, sinh ngày 20/11/2012 (Giới tính: Nam) cho chị Trần Thị Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh P vì chị Đ chưa yêu cầu.

Anh P người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cấm, cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không xem xét đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của anh Hồ Sỹ P. Chị Đ, anh P nếu có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thì sẽ khởi kiện vụ án chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã H M, tỉnh N A theo biên lai thu tiền số 0003315 ngày 02/11/2023.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh N A trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh N A trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

Nơi nhận:
- VKSNDTX H M;
- VKSND tỉnh N A;
- TAND tỉnh N A;
- Đương sự;
- Chi cục THADSTX H M;
- UBND xã Q L;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Huy